

Bảo tồn quỹ gen Thỏ

1. Xuất xứ

Theo phân loại động vật thỏ thuộc lớp động vật có vú (Mammalia), bộ gặm nhấm (Rodentia), họ Leporidae. Thỏ rừng có nhiều loại khác nhau, hiện nay chỉ có loài *Oryctolagus Cuniculus* được thuần hoá thành thỏ nhà.

Quần thể thỏ ở Việt Nam được du nhập từ Pháp khoảng 70-80 năm trước đây. Chúng đã bị lai tạp nhiều giữa các giống khác nhau nên cũng có những biến hoá khác nhau về ngoại hình.

2. Phân bố

Thỏ thường được nuôi trong các hộ gia đình với quy mô nhỏ, rải rác ở nhiều vùng, không tập trung, số lượng không ổn định.

3. Đặc điểm

3.1. Đặc điểm ngoại hình

Thỏ đen: lông ngắn, có màu đen tuyền, mắt đen, đầu to vừa phải, mõm nhỏ, cổ không vạm vỡ, lưng khum, bụng thon, thân hình chắc chắn, 4 chân dài thô, xương to.

Thỏ xám: lông ngắn, màu lông thay đổi từ xám tro đến xám ghi, màu lông vùng dưới bụng, ngực, đuôi có màu xám nhạt hơn hoặc xám trắng. Mắt đen, đầu nhỏ, cổ dài, lưng khum, bụng hơi xệ, 4 chân dài, xương to, thân hình không chắc chắn như thỏ đen.

3.2. Đặc điểm sinh lý của thỏ

Thỏ rất nhạy cảm với các yếu tố ngoại cảnh, khả năng thích ứng với môi trường kém. Thân nhiệt của thỏ thay đổi theo nhiệt độ không khí môi trường. Thỏ có ít tuyến mồ hôi dưới da, cơ thể thải nhiệt chủ yếu qua đường hô hấp. Thân nhiệt, tần số hô hấp, nhịp đập của tim đều liên quan thuận với nhiệt độ không khí môi trường. Cơ quan khứu giác của thỏ rất phát triển, thỏ mẹ có thể phân biệt được con đàn khác dựa đến bằng cách ngửi mùi. Thỏ rất thính và tinh, trong bóng tối thỏ vẫn nhìn thấy để ăn uống bình thường và phát hiện được những tiếng động rất nhỏ.

Sinh lý tiêu hoá: Thỏ là gia súc có dạ dày đơn, dạ dày thỏ co giãn tốt nhưng co bóp yếu. Các chất dinh dưỡng được phân giải nhờ các men tiêu hoá của dạ dày và ruột sẽ được hấp thụ chủ yếu qua ruột non. Ruột già chủ yếu hấp thụ các muối và nước. Manh tràng lớn gấp 5-6 lần dạ dày, là nơi dự trữ và tiêu hoá chất xơ nhờ hệ vi sinh vật.

Sinh lý sinh sản: Thỏ đẻ 1-3 ngày là động dục trở lại, chu kỳ động dục của thỏ thay đổi thất thường, đôi khi không động dục, sau khi giao phối 6-9 giờ trứng mới rụng.

Thỏ sơ sinh chưa có lông, sau 1 ngày tuổi bắt đầu mọc lông tơ, ba ngày tuổi thì có lông dày, ngắn 1 mm, năm ngày tuổi lông dài 5-6 mm và 20-25 ngày tuổi bộ lông được phát triển hoàn toàn. Thỏ con mở mắt vào 9- 12 ngày tuổi.

4. Khả năng sản xuất

4.1. Khả năng sinh trưởng

Tầm vóc thỏ nội bé hơn so với thỏ ngoại nhưng có khả năng chịu đựng được điều kiện kham khổ và dinh dưỡng thấp, khối lượng trưởng thành 3-5,5 kg.

Khối lượng cơ thể thông qua các mốc tuổi

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trung bình
Khối lượng sơ sinh	G	50-55
Khối lượng 21 ngày tuổi	G	200-220
Khối lượng 30 ngày tuổi	G	270-300
Khối lượng trưởng thành	kg	3-3.5

4. 2. Khả năng sinh sản

Thỏ nội mẫn đẻ, một năm có thể đẻ tới 6-7 lứa nếu nuôi dưỡng và chăm sóc tốt. Thời gian động dục lại sau khi đẻ rất ngắn nên nếu nuôi dưỡng chăm sóc tốt và cho phối giống sớm sau khi đẻ thì khoảng cách hai lứa đẻ chỉ còn 40-45 ngày.

Một số chỉ tiêu về khả năng sinh sản của thỏ

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trung bình
Tuổi động dục và phối giống lần đầu	Tháng	4-5
Chu kỳ động dục	Ngày	10-16
Thời gian kéo dài động dục	Ngày	3-5
Thời gian mang thai	Ngày	28-34
Số con đẻ ra/lứa	Ngày	6-9
Số lứa đẻ/năm	con	6-7

4.3. Khả năng cho sữa

Thỏ to khoẻ có thể cho lượng sữa 100- 160 gam, sữa lứa đầu ít hơn các lứa sau, trong một chu kỳ thì lượng sữa tăng dần, kể từ khi đẻ đến ngày 15-20 thì lượng sữa là cao nhất và sau đó giảm dần. Thời điểm cạn sữa tùy thuộc vào thời gian đẻ lứa sau, thường từ 4-5 tuần, sản lượng sữa còn tùy thuộc vào chế độ dinh dưỡng. Sữa thỏ đậm đặc và chất lượng cao hơn sữa bò.

4.4. Khả năng cho thịt

Thỏ đẻ nhanh, nếu nuôi dưỡng tốt mỗi thỏ cái mỗi năm đẻ 6-7 lứa, mỗi lứa 6-7 con, sau 3 tháng nuôi khối lượng giết thịt 1,7-2 kg, như vậy một thỏ mẹ có thể sản xuất 70-80%kg thịt thỏ/ năm.

Thỏ cho tỷ lệ thịt xẻ 46-49% tỷ lệ thịt lọc/ thịt xẻ là 85-86%. Thịt thỏ giàu và cân đối chất dinh dưỡng: tỷ lệ đạm 21%, mỡ 10%, khoáng 1,2%.

Ngoài những khả năng sản xuất trên, thỏ còn có khả năng cung cấp lông da để sản xuất quần áo, mũ lông, Thỏ còn được dùng làm động vật thể vàng, động vật kiểm nghiệm thuốc và chế vạc xin trong y học.

5. Tính trạng đặc biệt

Sinh sản cao là đặc điểm lớn nhất của thỏ nội. Khả năng lên hoá thức ăn xanh làm cho chi phí nuôi thỏ trong dân thấp, dễ mở rộng sản xuất nếu được tiêu thụ tốt.

6. Công tác bảo tồn nguồn gen

Giống thỏ Việt Nam còn rất phổ biến, hơn nữa công tác lai giống rất ít nên chủ yếu là dùng phương pháp in-situt.